

Số: 51/2021/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 22 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng lĩnh vực y tế
trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý
của tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô
chuyên dùng trong lĩnh vực y tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của
Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản
công tại các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm
vi tỉnh quản lý; T*

*theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2376/TTr-STC
ngày 07/9/2021; kèm theo ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số
177/HĐND-VP ngày 15/11/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực y tế thuộc Sở Y tế.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế

~~1. Quy định tiêu chuẩn, định mức (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng tối đa) sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.~~

2. Giá mua xe ô tô quy định tại Quyết định này là giá mua xe tối đa đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn vào giá mua để xác định tiêu chuẩn, định mức.

Điều 4. Nguyên tắc trang bị, quản lý, sử dụng

1. Việc trang bị xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chuyên môn, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí mua sắm.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được trang bị xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế phải lập hồ sơ kê khai tài sản đăng ký quyền quản lý, sử dụng tài sản, báo cáo Sở Tài chính để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 04 tháng 12 năm 2021.

2. Bãi bỏ nội dung quy định tại Mục 4 và Mục 11 Phần A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng và quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

**DANH MỤC TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG
TRONG LĨNH VỰC Y TẾ THUỘC PHẠM VI TỈNH QUẢN LÝ CỦA TỈNH PHÚ YÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 22/11/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)*

STT	Đối tượng sử dụng	Chủng loại	Số lượng xe tối đa/đơn vị	Mức giá tối đa/xe (Đồng/xe)
1	Sở Y tế	Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.020.000.000
2	Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyên giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyển	1	1.181.000.000
3	Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm	Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.020.000.000
4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế	1	1.181.000.000
		Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	918.000.000
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.020.000.000
5	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.020.000.000
6	Trung tâm Da liễu	Xe ô tô cứu thương thông thường	1	1.480.000.000
		Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyên giao	1	1.181.000.000

		kỹ thuật và chỉ đạo		
		tuyển		
7	Trạm Chuyên khoa Lao	Xe chụp X-quang lưu động	1	3.059.000.000
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.020.000.000
8	Trung tâm Pháp y	Xe giám định pháp y	1	725.000.000
		Xe vận chuyển tử thi	1	1.480.000.000
9	Trung tâm cấp cứu 115	Xe ô tô cứu thương thông thường	4	1.480.000.000
		Xe ô tô cứu thương kèm 6 thiết bị cấp cứu	2	2.486.450.000
		Xe ô tô cứu thương kèm 8 thiết bị cấp cứu	2	4.204.950.000
10	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	Xe chuyên dùng phục vụ công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ trung và cấp cao	1	1.176.000.000
		Xe vận chuyển người bệnh	1	950.000.000
11	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Xe ô tô cứu thương thông thường	5	1.480.000.000
		Xe ô tô cứu thương kèm 6 thiết bị cấp cứu	1	2.486.450.000
		Xe ô tô cứu thương kèm 8 thiết bị cấp cứu	1	4.204.950.000
		Xe lấy máu	1	2.800.000.000
12	Bệnh viện Y học cổ truyền	Xe ô tô cứu thương thông thường	2	1.480.000.000
		Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyển	1	1.181.000.000
13	Bệnh viện Phục hồi chức năng	Xe ô tô cứu thương thông thường	2	1.480.000.000
		Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao kỹ thuật và chỉ đạo tuyển	1	1.181.000.000
14	Bệnh viện Mắt	Xe ô tô cứu thương thông thường	1	1.480.000.000
		Xe khám chữa mắt lưu động	1	1.480.000.000
15	Bệnh viện Sản Nhi	Xe ô tô cứu thương thông thường	4	1.480.000.000
		Xe chuyên dùng có thiết bị để chuyển giao	1	1.181.000.000

		kỹ thuật và chỉ đạo		
		tuyển		
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế	1	1.181.000.000
16	Trung tâm y tế thành phố Tuy Hoà	Xe ô tô cứu thương thông thường	2	1.480.000.000
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế	1	1.181.000.000
		Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	918.000.000
17	Trung tâm Y tế huyện Phú Hòa	Xe ô tô cứu thương thông thường	2	1.480.000.000
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế	1	1.181.000.000
		Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	918.000.000
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.020.000.000
18	Trung tâm Y tế Thị xã Đông Hoà	Xe ô tô cứu thương thông thường	2	1.480.000.000
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh	1	1.181.000.000

		phẩm), mẫu thuốc lĩnh vực môi trường y tế		
		Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	918.000.000
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.020.000.000
19	Trung tâm Y tế huyện Tây Hoà	Xe ô tô cứu thương thông thường	3	1.480.000.000
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuốc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuốc lĩnh vực môi trường y tế	1	1.181.000.000
		Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	918.000.000
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.020.000.000
20	Trung tâm Y tế huyện Tuy An	Xe ô tô cứu thương thông thường	3	1.480.000.000
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuốc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuốc lĩnh vực môi trường y tế	1	1.181.000.000
		Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	918.000.000
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.020.000.000
21	Trung tâm Y tế Thị xã Sông Cầu	Xe ô tô cứu thương thông thường	3	1.480.000.000
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuốc lĩnh	1	1.181.000.000

		<p>vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuốc lĩnh vực môi trường y tế</p> <p>Xe chở máy phun và hóa chất lưu động</p> <p>Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm</p>	1	918.000.000
		Xe ô tô cứu thương thông thường	2	1.480.000.000
		Xe ô tô cứu thương kèm 6 thiết bị cấp cứu	1	2.486.450.000
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuốc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuốc lĩnh vực môi trường y tế	1	1.181.000.000
		Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	918.000.000
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.020.000.000
22	Trung tâm Y tế huyện Đông Xuân	Xe ô tô cứu thương thông thường	3	1.480.000.000
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuốc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuốc lĩnh vực môi trường y tế	1	1.181.000.000
		Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	918.000.000
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt	1	1.020.000.000
23	Trung tâm Y tế huyện Sơn Hoà	Xe ô tô cứu thương thông thường	3	1.480.000.000
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuốc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuốc lĩnh vực môi trường y tế	1	1.181.000.000
		Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	918.000.000
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt	1	1.020.000.000

		động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm		
24	Trung tâm Y tế huyện Sông Hình	Xe ô tô cứu thương thông thường	2	1.480.000.000
		Xe vận chuyển máu và các loại mẫu thuộc lĩnh vực y tế, bao gồm: mẫu bệnh phẩm, mẫu bệnh truyền nhiễm, mẫu thực phẩm, mẫu thuốc (bao gồm cả vắc xin, sinh phẩm), mẫu thuộc lĩnh vực môi trường y tế	1	1.181.000.000
		Xe chở máy phun và hóa chất lưu động	1	918.000.000
		Xe ô tô khác có gắn thiết bị chuyên dùng dành riêng cho các hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phòng, chống dịch, kiểm nghiệm	1	1.020.000.000